

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2021/DS-PT

Ngày: 10-5-2021

V/v tranh chấp thừa kế quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Bà Phùng Thị Cẩm Hồng
2. Bà Huỳnh Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 95/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1936.
 2. Ông Lý Văn T, sinh năm 1934. (Chết ngày 30/3/2021)
- Cùng cư trú tại: Số 1/13 K2 Ô2, thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lý Văn T:

- 2.1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1936.
- 2.2. Bà Lý Thị Kim A, sinh năm 1963.
- 2.3. Bà Lý Thị Hồng H1, sinh năm 1965.
- 2.4. Ông Lý Văn Q1, sinh năm 1966.

2.5. Bà Lý Thị C, sinh năm 1969.

2.6. Ông Lý Văn T1, sinh năm 1971.

2.7. Ông Lý Hồng V, sinh năm 1977.

2.8. Bà Lý Thị Kim Q2, sinh năm 1979.

Cùng cư trú tại: Số 1/13 K2 Ô2, thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An.

2.9. Bà Lý Thị M, sinh năm 1968.

Cư trú tại: Số 1/13C K2 Ô2, thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An.

2.10. Bà Lý Thị T2, sinh năm 1974.

Cư trú tại: Số 443/4, ấp B2, xã T3, huyện T4, tỉnh Long An.

2.11. Bà Lý Thị Mỹ L1, sinh năm 1981.

Cư trú tại: Số 333/4, ấp B2, xã T3, huyện T4, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lý Văn T: Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960; Cư trú tại: Số 102KA, ấp K, xã A, huyện T4, tỉnh Long An. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 04/5/2021)

3. Ông Lý Q, sinh năm 1980.

Cư trú tại: Số 447/4 ấp L 1, xã T3, huyện T4, tỉnh Long An.

4. Bà Lý Tiểu P, sinh năm 1985.

Cư trú tại: Ấp 1, xã A, huyện T4, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960; Cư trú tại: Số 102KA, ấp K, xã A, huyện T4, tỉnh Long An. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2019, 29/12/2020, 24/12/2020).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm 1966.

Cư trú tại: Số 3/25 K2 Ô2, thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lý Tiểu L, sinh năm 1987.

2. Anh Lý Thiên D, sinh năm 1993.

3. Chị Lý Thiên N, sinh năm 2001.

Cùng cư trú tại: Số 3/25 K2 Ô2, thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của anh Long: Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm 1966; Cùng cư trú tại: Số 3/25 K2 Ô2, thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2020).

Người đại diện theo pháp luật của chị Ngân: Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm 1966; Cùng cư trú tại: Số 3/25 K2 Ô2, thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q và bà Lý Tiểu P.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

(Bà X, bà H, anh D có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn khởi kiện ngày 23/8/2019 và trong quá trình tố tụng của vụ án, nguyên đơn bà Lý Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng X trình bày:* Bà B, ông T, ông Q, bà P là cha mẹ và con của ông Lý I. Trước năm 1980 ông Lý I kết hôn với bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1959 và ông I, bà Đ có 02 con chung là Lý Q và Lý Tiểu P. Đến năm 1986 bà Đ chết. Đến năm 2000 ông Lý I đăng ký kết hôn với bà Lê Thị Hồng H. Ông Lý I và bà H có 03 con chung là Lý Tiểu L, Lý Thiên D và Lý Thiên N. Khi còn sống ông Lý I có mua 02 lô đất là thửa đất số 1390, diện tích 119.8m² và thửa đất số 1627, diện tích 119.8m² cùng tờ bản đồ số 2, loại đất ở đô thị đất tọa lạc tại ấp D thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An do bà Lê Thị Hồng H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 20/9/2013 ông Lý I chết, không để lại di chúc. Nay bà X là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế 50% giá trị quyền sử dụng đất, thửa đất số 1390, diện tích 119.8m² và thửa đất số 1627, diện tích 119.8m² cùng tờ bản đồ số 2, loại đất ở đô thị đất tọa lạc tại ấp D thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An là di sản của ông Lý I chết để lại.

Giá trị quyền sử dụng đất tạm tính là 400.000.000đ/lô, mỗi người được hưởng giá trị là 50.000.000 đồng (400.000.000 đồng: 8 người); 04 người là bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P xin nhận 01 lô thửa đất số 1627, diện tích 119.8m² tờ bản đồ số 2, loại đất ODT đất tọa lạc tại ấp D thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An và bà B, ông T, ông Q, bà P sẽ hoàn tiền lại cho bà Lê Thị Hồng H, Lý Tiểu L, Lý Thiên D và Lý Thiên N là 200.000.000 đồng.

Bà X thống nhất chứng thư thẩm định giá ngày 15/7/2020. Do trước đây đơn khởi kiện tự ước lượng số tiền yêu cầu chia để Tòa án cho nộp tạm ứng án phí. Nay có chứng thư, có số tiền cụ thể thì bà X thống nhất được nhận thừa kế bằng giá trị theo giá của chứng thư thẩm định giá ngày 15/7/2020 của Công ty thẩm định giá Miền Nam và bà X yêu cầu nhận giá trị, không nhận vật.

Đối với yêu cầu phản tố của bà H thì bà X là người đại diện theo ủy quyền của bà P, ông Q và bà B thì bà X không đồng ý yêu cầu của bà H vì chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24kr đó là kỷ vật của ông I để lại cho riêng ông Lý Q, bà H giữ và giao lại cho ông Q. Số tiền 60.000.000 đồng là sau khi ông Q đi cải tạo về không có nhà để ở nên bà P, ông Q và bà B đến xin bà H 60.000.000 đồng để mua đất làm nhà ở thì bà H tự nguyện cho bà P, ông Q và bà B xác định có ký văn bản thỏa thuận không đòi hỏi thêm bất cứ khoản tiền nào nữa. Tiền và vàng là bà H tự nguyện cho ông Q không liên quan đến di sản thừa kế.

* *Bị đơn là bà Lê Thị Hồng H trình bày:* bà H không đồng ý chia thừa kế theo đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P vì thửa đất số 1390, diện tích 119.8m² và thửa đất số 1627, diện tích 119.8m² cùng tờ bản đồ số 2, loại đất ở đô thị đất tọa lạc tại ấp D thị trấn T4,

huyện T4, tỉnh Long An là tài sản riêng của bà H. Năm 1995 bà H trúng số giải đặc biệt được 100.000.000 đồng, 02 tờ mỗi tờ 50.000.000 đồng (đài Kiên Giang), bà H dùng số tiền này để mua 02 thửa đất trên, đây là thu nhập bất ngờ của cá nhân bà H, mặc dù trong thời kỳ hôn nhân với ông Lý I nhưng bà H không đồng ý sáp nhập vào tài sản chung của vợ chồng nên bà H đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông I đã không làm di chúc chia tài sản cho con cái mà để bà H được quyền sở hữu. Ông Lý Văn T chỉ là cha kế là chồng sau của bà Nguyễn Thị B, không phải là cha ruột của ông I nên bà H không đồng ý ông T đòi quyền chia thừa kế.

Năm 2014 ông Lý Q đã nhận của bà H số tiền 60.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24kr trước sự chứng kiến của bà Lý Tiểu P, bà Nguyễn Thị B mua đất cất nhà ở và đã làm cam kết không đòi bà H khoản tiền nào nữa. Do bà H không am hiểu pháp luật nghĩ mình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của mình nên khi ông I còn sống bà H và ông I không có làm văn bản thỏa thuận tài sản riêng.

Bà H thống nhất chứng thư thẩm định giá ngày 15/7/2020. Tại tờ thỏa thuận ngày 24/7/2014 bà H có cho ông Lý Q 60.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24kr trước sự chứng kiến của bà Lý Tiểu P, bà Nguyễn Thị B và ông Quan Bửu Trí trưởng khu phố Thủ Khoa Thừa 2, bà Nguyễn Thị Lệ phó ban mặt trận khu phố Thủ Khoa Thừa 2. Ông Lý Huỳnh cam kết không đòi bà H một khoản tiền nào nữa. Do bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P yêu cầu chia thừa kế hai thửa đất trên nhưng bà H nói là tài sản riêng của bà H và lại bà H cũng đang đứng tên nên bà B, ông Q, bà P quay sang xin bà H tiền và 05 chỉ vàng làm nhà và cam kết không đòi tiền ngầm ý là không yêu cầu chia hai thửa đất trên. Còn việc bà X nói chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24kr đó là kỷ vật của ông I để lại cho riêng ông Lý Q thì đề nghị bà X đưa ra giấy tờ chứng minh vì nếu là tài sản của ông I là ông I đã viết di chúc. Bà X cho rằng khi bà B, ông Q và bà P đến xin bà H tiền cho ông Q làm nhà thì bà H tự nguyện cho ông Q 60.000.000 đồng là không đúng hoàn toàn, bà H không có tự nguyện.

Ngày 13/11/2020 bà H có đơn khởi kiện phản tố yêu cầu bà Bé, ông Q, bà P trả cho bà H số tiền là 60.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24Kr. Bà H đồng ý chia thừa kế theo qui định của pháp luật và bà H yêu cầu chia cho bà H một kỷ phần là công gìn giữ tài sản. Bà H thống nhất chứng thư thẩm định giá ngày 15/7/2020, bà H đồng ý nhận vật và hoàn trả giá trị theo kỷ phần thừa kế theo giá chứng thư thẩm định giá ngày 15/7/2020 của Công ty thẩm định giá Miền Nam.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 03/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã căn cứ các Điều 35, 39, 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 618, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P đối với bà Lê Thị Hồng H về tranh chấp thừa kế tài

sản là thửa đất số 1390, diện tích 119.8m² tờ bản đồ số 2, loại đất ở đô thị đất tọa lạc tại ấp D thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng H đối với bà Nguyễn Thị B, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P về tranh chấp thừa kế tài sản là 30.000.000 đồng và 2,5 chỉ vàng 24kr

Xác định ông Lý I (chết ngày 20/9/2013), di sản của ông I là quyền sử dụng đất thửa đất số 1390, diện tích 119.8m² tờ bản đồ số 2, loại đất ở đô thị đất tọa lạc tại ấp D thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An, 30.000.000 đồng và 2,5 chỉ vàng 24kr.

Chia di sản thừa kế của ông Lý I là quyền sử dụng đất thửa đất số 1390, diện tích 119.8m² tờ bản đồ số 2, loại đất ở đô thị đất tọa lạc tại ấp D thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An, 30.000.000 đồng và 2,5 chỉ vàng 24kr có tổng giá trị 285.658.500 đồng. Chia bằng giá trị như sau:

Bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P, ông Lý Tiểu L, ông Lý Thiên D, bà Lý Thiên N, bà Lê Thị Hồng H mỗi người được hưởng 32.346.000 đồng. Bà Lê Thị Hồng H được hưởng công sức đóng góp là 26.888.000 đồng.

Ông Lý Q đã nhận trước là 87.325.000 đồng, buộc ông Q hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, bà Lý Tiểu P 54.979.000 đồng.

Buộc bà Lê Thị Hồng H phải hoàn trả phần giá trị di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, bà Lý Tiểu P tổng cộng là 42.059.000 đồng.

Buộc bà Lê Thị Hồng H phải hoàn trả phần giá trị di sản thừa kế cho ông Lý Tiểu L, ông Lý Thiên D, bà Lý Thiên N mỗi người 32.346.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, bà Lý Tiểu P, ông Lý Tiểu L, ông Lý Thiên D, bà Lý Thiên N có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Lê Thị Hồng H, ông Lý Q chưa trả số tiền trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Công nhận phần đất thuộc thửa đất số 1390, diện tích 119.8m² và thửa đất số 1627, diện tích 119.8m² cùng tờ bản đồ số 2, loại đất ở đô thị đất tọa lạc tại ấp D thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An cho bà Lê Thị Hồng H.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản đối với diện tích đất được xác định theo qui định của khoản 3 Điều 100, khoản 2 Điều 170 Luật Đất đai 2013.

Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường, Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

4. Về án phí, lệ phí định giá, thẩm định tại chỗ:

Về án phí: Buộc ông Lý Q, bà Lý Tiểu P mỗi người phải chịu 1.617.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông Lý Q, bà Lý

Tiểu P mỗi người đã đóng là 1.250.000 đồng, theo biên lai thu số 0007042 và 0007041 ngày 26/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, bà P, ông Q mỗi người phải nộp thêm 367.000 đồng án phí sung công quỹ Nhà nước.

Buộc ông Lý Tiểu L, ông Lý Thiên D, bà Lý Thiên N mỗi người phải chịu 1.617.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Lê Thị Hồng H phải chịu 2.961.000 đồng. Bà Lê Thị Hồng H được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 2.176.000 đồng theo biên lai thu số 0007529 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, bà H phải nộp thêm 785.000 đồng án phí sung công quỹ Nhà nước.

- Về lệ phí định giá, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P đã đóng tạm ứng. Buộc bà Lê Thị Hồng H, ông Lý Tiểu L, ông Lý Thiên D, bà Lý Thiên N phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành chưa trả số tiền trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 19/02/2021, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bé, ông Lý Văn Tể, ông Lý Quỳnh và bà Lý Tiểu Phương kháng cáo không đồng ý một phần bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhập số tiền 60.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24Kv mà bà Lê Thị Hồng Hạnh đã cho ông Quỳnh vào di sản thừa kế để chia là không đúng.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 50/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/3/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đề nghị hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm trên đối với phần giải quyết yêu cầu tranh chấp số tiền 60.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24Kv; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm trên về chia thừa kế quyền sử dụng đất, về án phí và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự với các lý do sau:

- Về thủ tục tố tụng:

Trong vụ án này, các nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q và bà Lý Tiểu P có đơn khởi kiện đối với bà Lê Thị Hồng H về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật giá trị quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ các thửa đất số 1390, 1627. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu khởi kiện này theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 77/TB-TLVA ngày 30/3/2020. Bị đơn là bà Hạnh có yêu cầu phản tố yêu cầu bà B, ông Q và bà P trả số tiền 60.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24Kv. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu phản tố của bà Hạnh theo Thông báo về việc thụ lý yêu cầu phản tố số 48/TB-TLVADS ngày 20/11/2020. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Lý Thiên D, anh Lý Tiểu L và chị Lý Thiên N không có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia thừa kế cho ông D, ông L và bà N là vượt quá yêu cầu khởi kiện

của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Các nguyên đơn gồm bà B, ông T, ông Q và bà P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng hai thửa số 1390 và 1627. Theo Chứng thư thẩm định giá số Vc 20/07/30/BDS-VN ngày 15/7/2020 của Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam thì giá trị quyền sử dụng hai thửa đất này đều là 241.996.000 đồng, tức giá trị quyền sử dụng đất bằng nhau. Bà H cũng xác định quyền sử dụng thửa số 1390 là di sản do ông Ít để lại nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chia giá trị quyền sử dụng thửa đất này cho các nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, đối với số tiền 60.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24Kr mà bà H đã đưa cho ông Lý Q vào năm 2014 thì căn cứ đơn phản tố của bà H và Thông báo thụ lý yêu cầu phản tố số 48/TB-TLVADS ngày 20/11/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm thì cần xác định đây là quan hệ tranh chấp về đòi tài sản. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông D xác định số tiền và vàng này là tài sản của ông I và bà H và yêu cầu nhập vào tài sản để chia thừa kế, trong đó phần của ông I là 30.000.000 đồng và 2,5 chỉ vàng 24Kr. Tuy nhiên, các nguyên đơn gồm bà B, ông T, ông Q và bà P không đồng ý xác định số tiền 30.000.000 đồng và 2,5 chỉ vàng 24Kr là di sản và cũng không đồng ý đưa vào chia thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá chứng cứ giải quyết yêu cầu đòi tài sản của bà H mà xác định đó là di sản thừa kế, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định có một quan hệ tranh chấp là chia di sản thừa kế và chia đều số tiền 30.000.000 đồng và 2,5 chỉ vàng 24Kr làm 09 kỷ phần thừa kế trong khi các đồng thừa kế là bà B, ông T, ông Q, bà P, anh D, anh L, chị N không có ai có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền và vàng này là không đúng quy định pháp luật, vừa chưa giải quyết toàn diện các quan hệ tranh chấp trong vụ án, vừa giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Từ những vi phạm, thiếu sót trên, dẫn đến phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên:

“... Ông Lý Q đã nhận trước là 87.325.000 đồng, buộc ông Q hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, bà Lý Tiểu P 54.979.000 đồng.

Buộc bà Lê Thị Hồng H phải hoàn trả phần giá trị di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, bà Lý Tiểu P tổng cộng là 42.059.000 đồng...”

Là không phù hợp, không rõ ràng về quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự; đồng thời dẫn đến tuyên về trách nhiệm phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm cũng không phù hợp. Do đó, trong vụ án này, cần tuyên buộc bà H có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cho mỗi nguyên đơn đối kỷ phần thừa kế về quyền sử dụng đất mà mỗi người được hưởng. Do ông D, ông L và bà N chưa có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thì tạm giao kỷ phần thừa kế quyền sử dụng đất cho bà H quản lý; về trách nhiệm chịu chi phí tố tụng và án phí thì các nguyên đơn và bà H phải chịu tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất mà mình được chia.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, người kháng nghị không rút kháng nghị, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé, ông Lý Văn Tể, ông Lý Quỳnh, bà Lý Tiểu Phương và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273, 279, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung:

Về yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, xét thấy:

Đối với yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất 2 thửa 1390 và 1627 về thủ tục tố tụng thì các anh Lý Tiểu L, Lý Thiên D và chị Lý Thiên N không có đơn yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất này nhưng án sơ thẩm đã xem xét và chia thừa kế luôn cho các đương sự này là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, do đó Viện kiểm sát kháng nghị đề nghị xem xét tuyên án tạm giao kỷ phần thừa kế quyền sử dụng đất của ông D, ông L và bà N cho bà H quản lý là có cơ sở. Còn về nội dung vụ án liên quan đến số tiền 60.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 25Kr, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu ông Lý Q trả lại số tiền 60.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 25Kr, tuy nhiên sau đó bà H thay đổi yêu cầu đồng ý nhập $\frac{1}{2}$ số tiền và vàng này vào khối tài sản chung để chia thừa kế, xét thấy bà H cho rằng đây là tài sản chung của bà và ông Lý I và tự nguyện nhập vào khối tài sản chung để chia là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên trong vụ án này các nguyên đơn hoàn toàn không có đơn yêu cầu tranh chấp chia thừa kế đối với số tiền và vàng này. Tòa sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ yêu cầu đòi tài sản của bà H và chia luôn số tiền và vàng này cho các đồng thừa kế là chưa toàn diện. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý rút phần yêu cầu chia tài sản thừa kế của ông Lý Q và bị đơn bà Lê Thị Hồng H đồng ý rút yêu cầu phản tố đối với yêu cầu buộc ông Lý Q trả lại số tiền 60.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 25Kr. Bà H đồng ý việc rút đơn của ông Lý Q và người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Q đồng ý việc bà

H rút đơn. Do đó cần hủy và đình chỉ giải quyết vụ án đối với các phần này. Đối với cách chia thừa kế thì sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 299, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P; chấp nhận một phần kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, sửa bản án dân sự sơ thẩm; hủy và đình chỉ giải quyết một phần vụ án do các đương sự rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273, 279, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về thời hiệu thừa kế và hàng thừa kế:

- Về thời hiệu thừa kế: Do ông Lý I chết năm 2013 nên thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia phần di sản là giá trị quyền sử dụng do ông Ít để lại còn thời hiệu thừa kế theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về hàng thừa kế: Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định trước năm 1980, ông Lý I kết hôn với bà Võ Thị Đ, ông I và bà Đ có 02 con chung gồm ông Lý Q và bà Lý Tiểu P. Đến năm 1986, bà Đ chết và đến năm 2000, ông Lý I kết hôn với bà Lê Thị Hồng H. Ông Lý I và bà H có 03 con chung gồm anh Lý Tiểu L, anh Lý Thiên D và chị Lý Thiên N. Đến năm 2013, ông Ít Chết, cha mẹ ông Lý I hiện còn sống là cụ Lý Văn T và cụ Nguyễn Thị B. Ngoài ra, ông Lý I không có con nuôi hay con riêng nào khác. Do đó, bà Lê Thị Hồng H, cụ Lý Văn T, cụ Nguyễn Thị B, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P, anh Lý Tiểu L, anh Lý Thiên D và chị Lý Thiên N thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về việc nguyên đơn là ông Lý Q rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và bị đơn là Lê Thị Hồng H rút toàn bộ yêu cầu phản tố:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Hồng X là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lý Q rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà H chia thừa kế giá trị quyền sử dụng thửa đất số 1390 nói trên và bà H đồng ý. Bị đơn là bà Lê Thị Hồng H rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu ông Lý Q

hoàn trả số tiền 60.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 25Kr và phía nguyên đơn đồng ý.

Xét việc người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Lý Q rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và việc bị đơn là bà Lê Thị Hồng H rút toàn bộ yêu cầu phản tố là tự nguyện nên căn cứ Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần vụ án này đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện mà ông Lý Q đã rút và toàn bộ yêu cầu phản tố mà bà H đã rút.

[2.3] Về việc anh Lý Tiểu L, anh Lý Thiên D và chị Lý Thiên N chưa có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn giải quyết chia thừa kế giá trị quyền sử dụng thửa đất số 1390:

Xét do anh L, anh D và chị N là con của ông I và bà H nên Tòa án cấp sơ thẩm đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án này ở Tòa án cấp sơ thẩm, anh L, anh D và chị N không có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản mà ông I để lại. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn giải quyết chia thừa kế giá trị quyền sử dụng thửa đất số 1390 và buộc các đương sự này phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm về vấn đề này.

Do anh L, anh D và chị N không có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này nên tạm giao cho bà H quản lý 03 phần mà các đương sự này được chia thừa kế phần di sản do ông I để lại là giá trị quyền sử dụng thửa số 1390.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về vấn đề trên.

[2.4] Về di sản thừa kế:

Xét nguồn gốc hai thửa đất số 1390, diện tích 119,8m², loại đất ODT và thửa số 1627, diện tích 119,8m², loại đất ONT, cùng thuộc tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Long An hiện do bà Lê Thị Hồng H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa cấp ngày 23/12/2008 là do ông I và bà H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên đây là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo Chứng thư thẩm định giá số Vc 20/07/30/BDS-VN ngày 15/7/2020 của Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam thì giá trị quyền sử dụng thửa hai thửa đất số 1390 và 1627 đều có giá trị là 241.996.000 đồng. Do ông I và bà H là vợ chồng, ông I chết năm 2013 nên bà H được hưởng ½ tài sản chung, tức thửa số 1627 thuộc quyền sử dụng của bà H. Do đó, việc ông Tể, bà B, ông Q, bà P yêu cầu chia thừa kế giá trị quyền sử dụng thửa số 1390 là có căn cứ.

Như nhận định ở đoạn [2.2], ông Lý Q rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia thừa kế nên hàng thừa kế thứ nhất còn lại 07 người gồm bà Lê Thị Hồng H, cụ Lý Văn T, cụ Nguyễn Thị B, bà Lý Tiểu P, anh Lý Tiểu L, anh Lý Thiên D và chị Lý Thiên N.

Xét nguồn gốc thừa số 1390 là do vợ chồng ông I và bà H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Đến năm 2013, ông I chết, bà H là người trực tiếp quản lý sử dụng thừa đất này cho đến nay nên cần xem xét chia công sức giữ gìn, bảo quản cho bà H một phần giá trị quyền sử dụng đất này cho bà H là hợp tình, hợp lý.

Do đó, giá trị quyền sử dụng thừa số 1390 là 241.996.000 đồng được chia làm 08 phần, mỗi phần là 30.249.500 đồng, bà H được chia 02 phần là 60.499.000 đồng; còn cụ T, cụ B, bà P, anh L, anh D, chị N mỗi người được chia một phần là 30.249.500 đồng.

Do cụ T chết nên đáng lẽ giao phần mà cụ T được chia cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T yêu cầu giao phần mà cụ T được chia cho cụ B được quyền sở hữu nên được chấp nhận.

Còn anh L, anh D và chị N chưa có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nên tạm giao 03 phần mà các đương sự này được chia tổng cộng là 90.748.500 đồng cho bà H quản lý.

Do đó, buộc bà H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà P 30.249.500 đồng, hoàn trả cho bà B 60.499.000 đồng tiền giá trị quyền sử dụng thừa số 1390 được chia.

Do Tòa án buộc bà H có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng thừa số 1390 mà ông T, bà B, bà P được chia thừa kế nên bà H được quyền sử dụng toàn bộ thừa đất này.

Chính vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về việc không đưa 30.000.000 đồng và 2,5 chỉ vàng 24K_{tr} của ông I mà bà H đã đưa cho ông Q vào năm 2014 vào phần di sản của ông I để lại để chia thừa kế.

[3] Từ nhận định ở đoạn [2], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 299, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P; chấp nhận một phần kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần vụ án này đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện mà ông Lý Quỳnh đã rút và toàn bộ yêu cầu phản tố mà bà H đã rút, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 7 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do ông Lý Văn T, sinh năm 1934 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1936, tính đến nay đã hơn 60 tuổi nên là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi năm 2009 và có đơn đề nghị miễn tiền án phí. Do đó, ông T và bà B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nói trên.

Ông Lý Q rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nhưng phải chịu: $(241.996.000/8) \times 5\% = 1.512.475$ đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 6 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nói trên.

Bà Lý Tiểu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà mình được chia là: $05\% \times 30.249.500$ đồng = 1.512.475 đồng.

Bà Lê Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà mình được chia là: $05\% \times 60.499.000$ đồng = 3.024.950 đồng.

Ông Lý Q và bà Lý Tiểu P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng (gồm chi phí thẩm định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ): Tổng cộng là 4.000.000 đồng và phía nguyên đơn là ông Lý Văn T, bà Nguyễn Thị B, ông Lý Q và bà Lý Tiểu P đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng này. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo quy định tại các Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của phía nguyên đơn nên các đương sự phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với giá trị tài sản mà mình được chia. Do ông Lý Văn T, bà Nguyễn Thị B, bà Lý Tiểu P, anh Lý Tiểu L, anh Lý Thiên D và chị Lý Thiên N mỗi người được chia một phần, bà Lê Thị Hồng H được chia hai phần nên bà H phải nộp: $5/8 \times 4.000.000$ đồng = 2.500.000 đồng để hoàn trả cho ông T, bà B, ông Q và bà P (do bà P nhận thay).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, ông Lý Văn T, ông Lý Q, bà Lý Tiểu P.

Chấp nhận một phần kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An và đình chỉ giải quyết một phần vụ án này đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện mà ông Lý Q đã rút và toàn bộ yêu cầu phản tố mà bà Lê Thị Hồng H đã rút.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148,, 157, 158, 161, 162, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 7 Điều 27, 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T, bà Nguyễn Thị B, bà Lý Tiểu P về yêu cầu bà Lê Thị Hồng H chia thừa kế giá trị quyền sử dụng thửa đất số 1390, diện tích 119,8m², loại đất ODT, thuộc tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An hiện do bà Lê Thị Hồng Hạnh đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa cấp ngày 23/12/2008.

Buộc bà Lê Thị Hồng H có nghĩa vụ giao trả cho cụ Nguyễn Thị B 60.499.000 đồng (sáu mươi triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng) tiền giá trị quyền sử dụng thửa đất số 1390 mà cụ T và cụ B được chia thừa kế.

Buộc bà Lê Thị Hồng H có nghĩa vụ giao trả cho bà Lý Tiểu P 30.249.500 đồng (ba mươi triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng) tiền giá trị quyền sử dụng thửa đất số 1390 mà bà Phương được chia thừa kế.

Tạm giao cho bà Lê Thị Hồng H tổng cộng 90.748.500 đồng (chín mươi triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng) tiền giá trị quyền sử dụng thửa đất số 1390 mà anh Lý Tiểu L, anh Lý Thiên D và chị Lý Thiên N được chia thừa kế.

Bà Lê Thị Hồng H được quyền sử dụng toàn bộ hai thửa đất đất số 1390, diện tích 119,8m², loại đất ODT và thửa số 1627, diện tích 119,8m², loại đất ONT, cùng thuộc tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An hiện do bà Lê Thị Hồng H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa cấp ngày 23/12/2008.

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Lê Thị Hồng H phải nộp 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho bà Lý Tiểu P.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lý Văn T và bà Nguyễn Thị B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Lý Q phải chịu 1.512.475 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007041 ngày 26/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa ông Q còn phải nộp tiếp 262.475 đồng (hai trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng).

Buộc bà Lý Tiểu P phải nộp 1.512.475 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007042 ngày 26/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa nên bà P còn phải nộp tiếp 262.475 đồng (hai trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng).

Buộc bà Lê Thị Hồng H phải nộp 3.024.950 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 2.176.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007529 ngày 03/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa nên bà H còn phải nộp tiếp 848.950 đồng (tám trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm năm mươi đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho ông Lý Q 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007670 ngày 02/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thủ Thừa.

Hoàn trả cho bà Lý Tiểu P 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007669 ngày 02/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thủ Thừa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn